

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2021 như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Ban hành và triển khai kế hoạch CCHC

Thực hiện kế hoạch CCHC năm 2021 của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo tiến độ, đảm bảo chất lượng, đã hoàn thành 19/42 nhiệm vụ theo kế hoạch.

Trọng tâm CCHC trong quý III/2021 là tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách thể chế và thủ tục hành chính (TTHC); đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến thích ứng với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; cải thiện và nâng cao chỉ số CCHC; nâng cao mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức cuộc thi “Mô hình, sáng kiến CCHC của công chức, viên chức trẻ” lần thứ 5 - năm 2021; xây dựng chương trình CCHC tỉnh giai đoạn 2021-2030;...

2. Chỉ đạo, điều hành CCHC

Trong quý III/2021, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản, chỉ đạo CCHC quan trọng như:

- Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh¹.

- Văn bản chỉ đạo triển khai cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Cổng DVCQG)².

- Văn bản chỉ đạo thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh để phục vụ tốt nhất người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong thời gian phòng, chống dịch bệnh Covid-19³.

¹ Kế hoạch số 5283/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh

² Văn bản số 5837/UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh

³ Văn bản số 6176/UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh, nhằm cụ thể hóa Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và bổ sung quy định về việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh⁴.

- Văn bản quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/5/2021 của Chính phủ⁵.

- Văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, khắc phục hạn chế, thiếu sót để cải thiện và nâng cao chỉ số và xếp hạng CCHC của tỉnh trong thời gian tới⁶.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai các giải pháp quyết liệt, cụ thể để nâng cao hiệu quả công tác CCHC: Hoàn thiện thể chế quản lý CCHC; kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC, Bộ phận Một cửa; tổ chức khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức; họp Ban chỉ đạo CCHC hoặc họp giao ban định kỳ về CCHC; thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót, nâng cao chỉ số và xếp hạng CCHC, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh; tăng cường hỗ trợ người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện TTHC trong thời gian phòng, chống dịch bệnh Covid-19; nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC, giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn; thực hiện số hóa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC định kỳ hàng tháng, quý;...

3. Kiểm tra CCHC

Trong tháng 5/2021, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC năm 2021. Trong tháng 6 và đầu tháng 7/2021, Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh đã kiểm tra được 08/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế thành phố Nha Trang, Trường Đại học Khánh Hòa, Trường Cao đẳng y tế Khánh Hòa, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, UBND phường Vĩnh Nguyên). Hiện Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh đang tạm dừng kiểm tra vì dịch bệnh Covid-19.

4. Tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC quý III năm 2021 tại tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải những trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác CCHC; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực

⁴ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh

⁵ Văn bản số 8787/UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh

⁶ Văn bản số 7879/UBND-KSTT ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh

tuyển; tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 cho tổ chức, công dân khi đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa;...

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền bằng hình thức trực quan, trên công/trang thông tin điện tử, báo, đài,... Thống nhất tuyên truyền trực quan tại Bộ phận Một cửa với các khẩu hiệu: “Sự hài lòng của Nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”; “Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để góp phần phòng, chống Covid-19”;

Để giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh được thuận lợi, đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã niêm yết rộng rãi mã QR Code của Trung tâm tại Bộ phận Một cửa các cấp, trên các website, mạng xã hội và các vị trí thuận tiện khác để dễ tiếp cận, sử dụng.

Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa thực hiện 06 chuyên mục CCHC (10 phút), lồng ghép các nội dung tuyên truyền CCHC trong các chuyên đề, chuyên mục xây dựng Đảng, Kinh tế, Thuế, Công đoàn,... Báo Khánh Hòa đăng tải hơn 100 tin, bài viết kịp thời, sinh động về tình hình, kết quả công tác CCHC, hỗ trợ rất tích cực trong việc giới thiệu, phổ biến các tiện ích, các dịch vụ công mới mà các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh cung cấp, giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận nhanh và khai thác, sử dụng một cách hiệu quả.

Công thông tin điện tử CCHC tỉnh đã đăng tải 140 tin bài, văn bản CCHC của Trung ương và của tỉnh, cập nhật kịp thời thông tin, tình hình CCHC quan trọng, thu hút thêm 54.968 lượt truy cập, nâng tổng số lượt truy cập lên 2.528.689 lượt. Trung tâm Công nghệ thông tin và Dịch vụ hành chính công trực tuyến đã cập nhật 62 tin, bài về CCHC; hỗ trợ 616 lượt khách hàng sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua các tiện ích trao đổi trực tuyến và điện thoại đường dây nóng 1900.1023.

Trong quý III/2021, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức Vòng sơ khảo cuộc thi “Mô hình, sáng kiến CCHC của công chức, viên chức trẻ” lần thứ 5 - năm 2021 với 51 mô hình, sáng kiến đăng ký dự thi. Đây là cuộc thi truyền thống, được tổ chức 02 năm một lần kể từ năm 2013, là sân chơi đặc biệt hữu ích để công chức, viên chức trẻ, đoàn viên thanh niên cập nhật kiến thức, đổi mới nhận thức về CCHC; phát huy tính xung kích, năng động, sáng tạo trong việc đề xuất mô hình, giải pháp, sáng kiến mới, hữu ích, thiết thực; góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động, quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân.

Có khá nhiều mô hình, sáng kiến dự thi liên quan đến giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ trực tuyến trong cơ quan, đơn vị

cũng như phục vụ người dân, doanh nghiệp, đây là tín hiệu tích cực, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số mà tỉnh đã đẩy mạnh trong thời gian qua. So với 04 lần tổ chức trước, lần đầu tiên Vòng sơ khảo cuộc thi tính điểm kết hợp giữa điểm kết quả bình chọn trên Fanpage CCHC tỉnh (www.facebook.com/cchckh) và điểm chấm của Ban Giám khảo cho mỗi mô hình, sáng kiến; qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa, góp phần giới thiệu các mô hình, sáng kiến cũng như tuyên truyền công tác CCHC. Sau 15 ngày triển khai bình chọn, tỉnh đã nhận được sự ủng hộ, hưởng ứng rất lớn của cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân, với gần 221.000 lượt tiếp cận và hơn 54.000 lượt tương tác, trong đó có gần 7.500 lượt bình luận. Từ kết quả chấm điểm 51 mô hình tham dự Vòng sơ khảo, Ban Tổ chức cuộc thi sẽ công bố danh sách 14 mô hình được chọn vào Vòng chung khảo dự kiến tổ chức trong tháng 10/2021.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Hoạt động xây dựng, ban hành VBQPPL được triển khai nghiêm túc, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Trong kỳ, đã ban hành 11 VBQPPL (05 nghị quyết của HĐND tỉnh, 06 quyết định của UBND tỉnh) thể chế hóa kịp thời các chính sách của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Trong đó có một số quy định quan trọng như: Quy định về chế độ hỗ trợ kinh phí mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh; quy định chế độ hỗ trợ kinh phí chi tăng thêm mức phụ cấp cho các đối tượng tham gia phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; quy định về phân cấp một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; quy định về tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh;... Tất cả văn bản được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đúng quy định.

b) Thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Đoàn kiểm tra liên ngành đã tổ chức kiểm tra và hoàn thành việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm tại 05 cơ quan, địa phương; tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo, xử lý báo cáo kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021; ban hành văn bản chỉ đạo, xử lý kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021.

c) Kiểm tra, rà soát hệ thống hóa VBQPPL

Trong kỳ, đã tự kiểm tra 06 VBQPPL của UBND tỉnh, kết quả không phát

hiện nội dung trái pháp luật hoặc ban hành không đúng thẩm quyền. Thực hiện rà soát các VBQPPL của chính quyền địa phương cấp tỉnh về lĩnh vực ngoại vụ, thanh tra.

Theo yêu cầu tại Văn bản số 4611/VPCP-PL ngày 10/7/2021 của Văn phòng Chính phủ đã thực hiện rà soát, báo cáo các vướng mắc và kiến nghị sửa đổi, bổ sung 20 VBQPPL hiện hành liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, quản lý tài sản công, thuế,...

d) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2021, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng công tác thể chế, pháp luật⁷; tiếp tục tăng cường rà soát, đánh giá tổng kết việc thi hành pháp luật để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch Covid-19 vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Xác định cải cách thể chế là khâu then chốt, tiên đề, gỡ các nút thắt để phát triển, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành và triển khai nhiều cơ chế, chính sách đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Một số văn bản nổi bật như: Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh giai đoạn 2021-2025; chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chương trình hành động phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh giai đoạn 2021-2025;...

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, để kịp thời ứng phó với dịch bệnh, UBND tỉnh đã triển khai các hoạt động nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp như: Thành lập Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh; ban hành kế hoạch cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân trong trường hợp các chợ, siêu thị, cửa hàng bị đóng cửa trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai việc cung ứng hàng hóa thiết yếu cho người dân trong tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh;...

2. Cải cách TTHC

a) Công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC

Trong kỳ, UBND tỉnh ban hành 35 quyết định công bố danh mục TTHC, trong đó 109 thủ tục ban hành mới, 107 thủ tục sửa đổi, bổ sung, 139 thủ tục bãi

⁷ Văn bản số 8178/UBND-NC ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh

bỏ; ban hành 11 quyết định phê duyệt 34 quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

1.859 TTHC được tích hợp và công khai trên cơ sở dữ liệu TTHC Cổng DVCQG theo đúng quy định (cấp tỉnh: 1.399 thủ tục; cấp huyện: 301 thủ tục; cấp xã: 159 thủ tục); đã hoàn thành tích hợp, cung cấp 355 TTHC trực tuyến trên Cổng DVCQG.

b) Công khai TTHC

Toàn bộ TTHC được công khai theo đúng quy định. Nội dung công khai gồm danh mục, nội dung thông tin, cách thức thực hiện, hồ sơ mẫu đã điền sẵn thông tin để công dân tham khảo; danh mục TTHC được tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, thực hiện trực tuyến, cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến. Việc công khai được thực hiện bằng 04 hình thức cơ bản là niêm yết trên bảng niêm yết (khổ A4, in 01 mặt), in thành tập tài liệu có hồ sơ mẫu đặt tại bàn viết hồ sơ, màn hình cảm ứng (được trang bị cho những đơn vị có số lượng giao dịch nhiều), công khai trên Cổng DVCQG/Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh/cổng/trang thông tin tiếp nhận hồ sơ một cửa của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021, xác định rõ danh mục TTHC được rà soát, đơn giản hóa; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan chủ trì, phối hợp, kết quả và thời hạn hoàn thành. Phê duyệt danh sách cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh. Đã rà soát 203 TTHC, đơn giản hóa 04 TTHC ở lĩnh vực: Công sản, đất đai, an toàn bức xạ hạt nhân, phòng chống tệ nạn xã hội (ước tính cắt giảm khoản 37% chi phí).

d) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công

Trong kỳ, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận 85.508 hồ sơ, đã giải quyết và trả kết quả 74.807 hồ sơ, trong đó: Đúng hạn 74.058 hồ sơ (99,00%), trễ hạn 749 hồ sơ (1,00%). Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn của khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong là 99,37%, UBND cấp huyện là 93,98%, UBND cấp xã là 99,21%.

Cung cấp dịch vụ công, tiện ích trực tuyến tiếp tục được đẩy mạnh. Trong kỳ, khối các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã tiếp nhận và giải quyết thành công 24.574 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 51,73% trên tổng số 47.504 hồ sơ phát sinh của TTHC được công bố thực hiện trực tuyến (mức độ 3: 5.268/7.211 hồ sơ, đạt tỷ lệ 73,06%; mức độ 4: 19.306/40.293 hồ sơ, đạt tỷ lệ 47,91%). Tổng số hồ sơ trực

tuyển đã được tiếp nhận từ khi đưa vào vận hành Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh đến nay là 331.492/1.621.180 hồ sơ đã tiếp nhận.

Hồ sơ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh là 2.804 hồ sơ, với số tiền là 209.548.016 đồng, nâng tổng số hồ sơ đã tiếp nhận lên 16.803 hồ sơ, với tổng số tiền 997.514.192 đồng. Đã phát sinh 2.393 lượt giao dịch trực tuyến nghĩa vụ tài chính đất đai trên Cổng DVCQG với tổng số tiền là 3.032.698.597 đồng.

Với 31 tình huống tin nhắn SMS, Hệ thống tự động gửi 54.892 lượt tin nhắn đến số điện thoại di động của khách hàng, cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến quá trình giải quyết hồ sơ, giảm thời gian giải đáp, hỗ trợ cho cán bộ, công chức, vừa bảo đảm minh bạch, kịp thời trong việc cung cấp thông tin liên quan đến quá trình giải quyết hồ sơ, giảm phiền hà, thời gian, chi phí đi lại cho khách hàng; tạo sự yên tâm, tin cậy đối với kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan hành chính tỉnh, góp phần nâng cao mức độ hài lòng.

đ) Tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, thắc mắc của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC trên Hệ thống phản ánh kiến nghị Cổng DVCQG: Trong kỳ, đã giải quyết và công khai 97/121 phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC; 24 phản ánh, kiến nghị, thắc mắc đang được xem xét, giải quyết trong hạn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị, địa phương

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ để đảm bảo tinh gọn bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bố trí đúng người, đúng việc theo vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách chế độ công chức, công vụ, UBND tỉnh đã ban hành 07 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị (Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai, Bảo tàng tỉnh). Ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp cấp huyện; tiếp tục tham mưu triển khai Đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP; báo cáo Bộ Nội vụ về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Việc quản lý, sử dụng biên chế được thực hiện đúng quy định. Đã ban hành

kế hoạch biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; bổ sung biên chế cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; điều chỉnh chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2021 theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại 05 cơ quan, địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao, UBND huyện Diên Khánh).

b) Thực hiện phân cấp, ủy quyền

Trong Quý III năm 2021, công tác phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước tại địa phương tiếp tục được triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành. UBND tỉnh đã ban hành 04 quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý (phân cấp một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện TTHC báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài; ủy quyền cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện TTHC đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài; ủy quyền Sở Giao thông vận tải quyết định đầu tư các dự án sửa chữa giao thông, khắc phục bão lũ các tuyến đường giao thông với quy mô lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật). Hiện đang xây dựng 02 quyết định phân cấp tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Đã báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình, kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021 và định hướng giai đoạn 2021-2026; góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Nội vụ về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Việc rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm công chức, vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập được triển khai đồng thời với công tác rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tính tới thời điểm hiện tại, 29/29 cơ quan, tổ chức hành chính và 101/109 đơn vị sự nghiệp được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định. Trên cơ sở vị trí việc làm được phê duyệt, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định.

b) Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước, đảm bảo số lượng,

cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm chế độ, chính sách đối với công chức được luân chuyển, biệt phái. Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm số lượng, cơ cấu vị trí việc làm đã được phê duyệt. Việc thi nâng ngạch, xét nâng ngạch đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật.

Trong kỳ đã bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương Chuyên viên chính đối với 80 trường hợp trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức hành chính; quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạn II ngành giáo dục và đào tạo 71 trường hợp.

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh năm 2021. Đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm, cụ thể: Tổ chức 03 lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên viên chính, chuyên viên, lãnh đạo cấp phòng cho 270 học viên; đã cử 04 công chức đi bồi dưỡng lãnh đạo cấp Sở; hỗ trợ đào tạo sau đại học cho 29 trường hợp. Các cơ quan, đơn vị đã cử 30 công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo thẩm quyền.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Các chính sách, chế độ của Trung ương ban hành trong năm liên quan đến tỉnh về tài chính - ngân sách được sao gửi kịp thời cho các đơn vị trong tỉnh thực hiện. Đối với chế độ, chính sách của địa phương do HĐND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý, UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng thời luôn đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của địa phương ban hành.

Sở Tài chính đã thẩm định phương án giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với 01 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh. Hiện tại, toàn tỉnh có 40 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên, trong đó có 04 đơn vị tự chủ 100% chi đầu tư; 83 đơn vị thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên; 535 đơn vị do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Toàn tỉnh có 156 cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính

nhà nước thuộc tỉnh (20/21 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 08/09 UBND cấp huyện, 128/136 UBND cấp xã), cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin và giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức. 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh đáp ứng quy định của Trung ương.

Với 3.541 chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng được tích hợp đồng bộ trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành E-Office, 190 cơ quan, đơn vị, địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã, khối Đảng, Mặt trận và Đoàn thể và các cơ quan ngành dọc tại tỉnh, doanh nghiệp nhà nước tiếp tục tăng cường số hóa, lưu trữ, gửi nhận văn bản điện tử, chỉ đạo, xử lý công việc trên môi trường liên thông điện tử, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Kết quả, tổng số văn bản được gửi đi dưới dạng điện tử của tỉnh đạt 98%, trong đó hoàn toàn dưới dạng điện tử chiếm 75%.

Phần mềm Một cửa điện được triển khai tích hợp, kết nối chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian thực hiện số hóa, ký số tài liệu, văn bản theo quy định, tiến tới điện tử hóa, trực tuyến hóa hoàn toàn quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, công dân, góp phần đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đã có trên 110 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện phát hành, ủy nhiệm lập biên lai điện tử đối với các khoản phí, lệ phí nộp trực tuyến qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh, góp phần tạo thuận lợi cho cả người dân, doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức thụ hưởng trong quá trình nộp, thu phí, lệ phí TTHC trực tuyến.

UBND tỉnh tiếp tục duy trì Phần mềm nhắc việc để kiểm soát, quản lý toàn bộ các công việc được giao giải quyết, có thời hạn cụ thể; giúp theo dõi, đôn đốc và nhắc việc trên phạm vi toàn tỉnh, hạn chế đến mức thấp nhất các công việc tồn đọng, trễ hạn. Trong kỳ, đã thực hiện nhắc việc với tổng số nhiệm vụ giao là 4.462, kết quả tổng hợp có 617 nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn: 602; quá hạn: 15), 3.845 nhiệm vụ chưa hoàn thành (trong hạn: 3.691; quá hạn: 154).

4.910 tài khoản thư điện tử công vụ đã được cấp phát cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức; đã tạo ra cơ chế trao đổi thông tin, dữ liệu công việc, phối hợp nghiệp vụ, giảm hội họp giấy tờ, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được xây dựng hoàn thiện tại địa chỉ <https://baocao.khanhhoa.gov.vn>. Hệ thống hiện đã cập nhật 20 biểu mẫu báo cáo thống nhất theo quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh đã được ban hành. Hệ thống đã hoàn thành chức năng kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Tiếp tục cập nhật, bổ sung, phát triển từ Kiến trúc chính quyền điện tử ban

đầu và tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0. Dự án Nâng cấp hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, hiện đang trong giai đoạn xét duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Dịch vụ triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) đã hoàn thành việc cài đặt và kết nối kỹ thuật với Hệ thống NGSP của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Để đáp ứng công tác quản lý, điều hành cũng như yêu cầu thực tiễn trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đưa vào sử dụng: Ứng dụng Giám sát khách vào tỉnh tại các trạm kiểm soát trên các tuyến Quốc lộ; Bản đồ Covid, Hệ thống quản lý và hỗ trợ truy vết ca nhiễm, ca nghi nhiễm tại các khu công nghiệp; Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến; Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19; Phần mềm tổng hợp, phân tích, báo cáo tình hình dịch bệnh Covid-19 phục vụ lãnh đạo tỉnh (Dashboard Khánh Hòa);...

Các cơ quan ngành dọc tiếp tục tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, trực tuyến hóa quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối và phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh trong việc cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Thích ứng với tình hình dịch bệnh, nhiều trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã bổ sung phương thức nộp hồ sơ, xét tuyển theo hình thức trực tuyến để tạo thuận lợi cho học sinh, sinh viên. Bên cạnh đó, nhiều trường đã triển khai các hoạt động của năm học mới, xét nhận nhập học và nhập học, giảng dạy cho sinh viên theo hình thức trực tuyến.

Đã hoàn thành việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo TCVN ISO 9001:2015 cho 69 HTQLCL trong 108 cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCN) trong tỉnh (gồm 21 HTQLCL cấp tỉnh, 02 HTQLCL cấp huyện, 45 HTQLCL cấp xã, 01 đơn vị sự nghiệp là Văn phòng Đăng ký đất đai). Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành văn bản, tổ chức hướng dẫn các CQHCCN ở 03 cấp áp dụng Bộ tài liệu hướng dẫn để rà soát hoàn thiện lại hệ thống tài liệu và tổ chức vận hành theo đúng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015 và Quyết định số 19/QĐ-TTg của Thủ tướng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về công bố TTHC của một số Bộ, ngành Trung ương

- Nhiều TTHC do Bộ, ngành Trung ương công bố không đảm bảo đầy đủ các yếu tố cấu thành của TTHC như: Không quy định thời gian giải quyết hoặc có

thời gian nhưng không phân công cụ thể các cấp tham gia giải quyết, không rõ chủ thể thực hiện (bảo trợ xã hội, người có công, lao động, tiền lương, nội vụ, tư pháp, giáo dục,...). Do vậy, gây khó khăn cho địa phương trong việc xây dựng quy trình giải quyết TTHC để tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm.

- Để thực hiện yêu cầu tinh giản số lượng TTHC, nhiều quyết định, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương gom nhóm nhiều thủ tục riêng lẻ trước đây thành 01 thủ tục và chỉ cập nhật 01 thủ tục trên cơ sở dữ liệu quốc gia, phổ biến tình trạng “thủ tục” trong “thủ tục”. Tuy nhiên, trong các thủ tục ấy, có nhiều tình huống giải quyết với thành phần hồ sơ, thẩm quyền, thời hạn và trình tự khác nhau, ví dụ như các TTHC đăng ký biến động, đính chính giấy chứng nhận,... ở lĩnh vực đất đai; TTHC chuyển nhượng dự án đầu tư ở lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, TTHC thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng ở lĩnh vực bảo trợ xã hội;...

- Vẫn còn nhiều TTHC công bố áp dụng cho nhiều cấp giải quyết nhưng không có mã số riêng gây khó khăn cho việc công bố tại địa phương và dễ gây nhầm lẫn cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TTHC (phổ biến ở lĩnh vực đất đai, giáo dục, hộ tịch,...).

- Trong thời gian gần đây, nhiều TTHC được các Bộ, ngành công bố có tính chất là hoạt động sự nghiệp hoặc thực chất là công việc, nhiệm vụ quản lý điều hành nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước (ví dụ như tổ chức bộ máy; địa giới hành chính; tuyển dụng; tiếp nhận công chức, viên chức...). Tuy nhiên, trong quyết định công bố lại chưa xác định rõ là không áp dụng cơ chế một cửa, một cửa đổi với thủ tục đó, gây khó khăn cho địa phương trong việc công bố và tiếp nhận giải quyết. Đồng thời một số TTHC do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố cũng có một số loại quy trình sự nghiệp chưa đủ rõ thẩm quyền, thời gian và cách thức thực hiện như:

(1) Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh: Thủ tục này được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng được thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh (đơn vị trực thuộc Sở) và thực hiện giải quyết ngay khi nhận được đề nghị của gia đình học viên;

(2) Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên: Thủ tục này được thực hiện tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tính chất công việc là các quy trình nghiệp vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo;

(3) Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp: Đây là công việc quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về chính sách bảo hiểm thất nghiệp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm

việc làm hằng tháng theo quy định, Trung tâm Dịch vụ việc làm có trách nhiệm lập hồ sơ, trình lãnh đạo Sở quyết định về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, sau khi các Bộ, ngành Trung ương công bố TTHC, UBND cấp tỉnh phải thực hiện công bố danh mục TTHC để có căn cứ triển khai thực hiện, quy định này làm tốn thêm thời gian, công sức cho địa phương, thực sự không cần thiết và đôi khi dẫn đến việc không đồng bộ về nội dung giữa các tỉnh, thành phố.

2. Về việc thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ

Tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hướng dẫn việc chấm điểm các tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 và 7 Điều 13 của Thông tư này được thực hiện đối với từng hồ sơ giải quyết TTHC. Tuy nhiên đối với các đơn vị có lượng hồ sơ phát sinh lớn, nhất là hồ sơ chứng thực thì việc lấy phiếu đánh giá gây mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho khách hàng.

3. Tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ CCHC đề ra: Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội; tổ chức kiểm tra công tác CCHC năm 2021; triển khai điều tra, khảo sát mức độ hài lòng năm 2021; triển khai Đề án thí điểm xây dựng Khu dân cư điện tử;...

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác CCHC ở địa phương trong thời gian tới, UBND tỉnh Khánh Hòa có một số kiến nghị sau:

- Có cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn nữa việc công bố TTHC của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt về tính kịp thời, tuân thủ các yêu cầu về công bố TTHC (lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội; giáo dục và đào tạo; tài nguyên và môi trường;...); đề nghị các Bộ, ngành Trung ương thực hiện tổng rà soát và công bố TTHC một cách thống nhất, hạn chế công bố rải rác ở nhiều quyết định ở nhiều thời điểm khác nhau gây khó khăn cho các địa phương trong việc rà soát, cập nhật, công khai.

- Sửa đổi Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, theo đó cho phép UBND cấp tỉnh chỉ căn cứ TTHC đã được công bố, thực hiện cập nhật mã quốc gia địa phương hóa trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, sau đó công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và ban hành các chi tiết thực hiện thủ tục (quy trình nội bộ và quy trình điện tử), không phải công bố lại danh mục TTHC. Đồng thời tham mưu Chính phủ cho phép UBND cấp tỉnh được tích hợp, đơn giản hóa các biểu mẫu, tờ khai khi thực

hiện liên thông TTHC để tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Sớm có rà soát, nghiên cứu, đánh giá để sửa đổi một số quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP liên quan đến đánh giá việc giải quyết TTHC để phù hợp với thực tế tại các địa phương.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nội vụ, Văn phòng Chính phủ;
Lao động - TB&XH (b/c-VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu (VBĐT);
- TT. HĐND tỉnh và các Ban (VBĐT);
- Các sở và BQLKKT Vân Phong (VBĐT);
- Các cơ quan ngành dọc của Trung ương (VBĐT);
- UBND cấp huyện, UBND cấp xã (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH, Báo KH (VBĐT);
- Lưu: VT, DL. b.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III NĂM 2021 TẠI TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 186 /BC-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	42	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	19	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	06	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh đang tiến hành kiểm tra
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	42	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	08	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	03	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		Đã tạm dừng điều tra, khảo sát hài lòng năm 2021 vì
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	11	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	06	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	109	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	139	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.859	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.399	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	301	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	159	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.722	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	355	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	74	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	317	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	91,46%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,37%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,98%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,21%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%	99,00%	31.972/32.279 hồ sơ
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%	99,57%	689/692 hồ sơ
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.722	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	355	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	351	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	20	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	05	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	120	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	624	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	09	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	111	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	504	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	8,6%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.901	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.779	Tính đến tháng 3/2021
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	28	Năm 2021 giảm so với 2020
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,3	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.555	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	21.515	Tính đến 3/2020
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	4246	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16,5%	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	29	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	101/119	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	09	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	06	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	03	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	144	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	01	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	Tỉnh đã thực hiện từ năm 2019. Quý

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				III/2021 chưa tổ chức thi tuyển
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	10	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	09	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (<i>cả về Đảng và chính quyền</i>)			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	04	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	36	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	83	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	535	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	Hiện đang hoàn thiện dự thảo sau khi

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				được gửi lấy ý kiến
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	85.354	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	75	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	23	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến	TTHC	631	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	331	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	300	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	73,06%	5.268/7.211 hồ sơ
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	47,91%	19.306/40.293 hồ sơ

PHỤ LỤC
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III NĂM 2021 TẠI TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 186/BC-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	42	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	19	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	06	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh đang tiến hành kiểm tra
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	42	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	08	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	03	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		Đã tạm dừng điều tra, khảo sát hài lòng năm 2021 vì
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	11	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	06	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	109	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	139	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.859	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.399	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	301	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	159	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.722	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	355	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	74	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	317	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	91,46%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,37%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,98%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,21%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%	99,00%	31.972/32.279 hồ sơ
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%	99,57%	689/692 hồ sơ
3.5.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.722	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	355	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	351	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	20	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	05	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	120	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	624	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	09	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	111	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	504	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	8,6%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.901	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.779	Tính đến tháng 3/2021
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	28	Năm 2021 giảm so với 2020
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,3	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.555	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	21.515	Tính đến 3/2020
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	4246	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16,5%	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	29	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	101/119	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	09	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	06	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	03	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	144	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	01	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	Tính đã thực hiện từ năm 2019. Quý

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				III/2021 chưa tổ chức thi tuyển
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	10	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	09	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	04	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	36	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	83	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	535	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	Hiện đang hoàn thiện dự thảo sau khi

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				được gửi lấy ý kiến
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	85.354	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	75	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	23	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến	TTHC	631	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	331	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	300	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	73,06%	5.268/7.211 hồ sơ
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	47,91%	19.306/40.293 hồ sơ

